

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **565/2023/HSST**.
Ngày: 24-10-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Diệp
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thuỳ Linh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 557/2023/HSST ngày 29 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 570/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Quang M (tên gọi khác: không) sinh năm 1979, tại Thành phố H; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: 30/38, Đ, khu phố 1, Phường 9, Quận 4, Thành phố H; Nơi ở hiện nay: Như trên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Đ, sinh năm 1967 (đã chết) và bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1958; Gia đình có 03 anh em bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ tên Nguyễn Thị Thuý P, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 02 con sinh năm 2011 và sinh năm 2017.

Tiền án: Ngày 21/9/2005, bị Toà án nhân dân thành phố H xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 (bị cáo M chấp hành đóng án phí vào ngày 21/8/2023).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 18/9/2002, bị Toà án nhân dân thành phố H xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (bị cáo chấp hành xong bản án ngày 28/4/2005);

- Ngày 20/6/2012, bị Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố H xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104

Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (bị cáo chấp hành xong Bản án vào ngày 05/3/2016).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 04/4/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 643 ngày 13/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Quang M là người sử dụng trái phép chất ma túy. Vào khoảng 09 giờ ngày 01/4/2023, bị cáo đến khu vực phường 3, Quận 4, Thành phố H gặp người đàn ông tên T (không rõ lai lịch) mua 01 (một) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), mục đích để sử dụng.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo M cất giấu gói ma túy trên vào trong túi quần bên trái bị cáo đang mặc, rồi điều khiển xe mô tô biển số 60K3-8498 đến nhà Nguyễn Văn B, sinh năm 1976, tại số nhà 530, tổ 8, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ để hỏi mua xe đạp điện cũ về bán lại kiếm lời. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi bị cáo đi đến gần nhà B thì anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 (là thành viên của Tổ phòng chống tội phạm phường An Hoà) cũng đang đến nhà B để kiểm tra. Do thấy bị cáo M có dấu hiệu nghi vấn nên anh Đ đi theo phía sau để theo dõi. Khi bị cáo M điều khiển xe mô tô tới phía trước nhà B, thì B cũng từ vườn đi về mở cửa đi vào trong nhà. Thấy vậy, bị cáo M dựng xe mô tô ngoài cổng đi vào ngồi dưới nền đất cạnh cửa ra vào, B ngồi phía bị cáo M cách khoảng 02m. Khi bị cáo M và B đang nói chuyện về việc mua bán xe thì anh Đ đi vào. Do sợ bị phát hiện cất giấu ma túy, nên bị cáo dùng tay trái lấy gói ma túy trong túi quần bỏ vào chiếc cối bằng gỗ dưới gầm bàn ngay chỗ bị cáo M đang ngồi thì bị anh Đ phát hiện bắt quả tang bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên báo Công an phường An Hoà đến kiểm tra, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) túi nilon có chứa chất màu trắng đã được niêm phong, có chữ ký của Phạm Quang M và hình dấu mộc tròn của Công an phường An Hoà.

- 01 (một) chiếc cối bằng gỗ.

- 01 (một) chiếc điện thoại hiệu Vsmart đã hư hỏng của Phạm Quang M dùng để liên lạc mua ma túy.

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo M, không liên quan đến việc phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô biển số 60K3-8498, bị cáo M khai mua lại của người tên H (không rõ lai lịch) vào năm 2023. Kết quả xác minh, chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Thị H1, bà H1 đã bán chiếc xe trên cho anh Đoàn Minh H2 vào năm 2008. Đến năm 2010, anh H2 tiếp tục bán cho người tên N (không rõ lai lịch). Qua tra cứu tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng

Nai (PC01), xe mô tô biển số 60K3-8498 không phải là vật chứng trong vụ án khác. Do chưa xác định chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Tại bản kết luận giám định số 2533/KL-KTHS ngày 13/4/2023, của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Tinh thể màu trắng được đựng trong 01 gói nylon gửi đến giám định là **ma túy**, có khối lượng **1,9790gam**, loại: **Methamphetamine**”.

Tại kết luận giám định số 2534/KL-KTHS ngày 23/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “Phân tích gen từ gói nylon hàn kín chứa chất màu trắng được kiểu gen trùng với kiểu gen của Phạm Quang M”.

Tại cáo trạng số 557/CT-VKSBH ngày 27 tháng 9 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phạm Quang M, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo M 01 có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Quang M mức án tù 01 năm 08 tháng đến 02 năm 02 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo M không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quang M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cụ thể, vào khoảng 18 giờ ngày 01/4/2023, bị cáo M đến nhà của anh Nguyễn Văn B, tại địa chỉ số 530, tổ 8, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ để chơi. Tại đây, khi thấy anh Nguyễn Văn B là thành viên tổ phòng chống tội phạm cũng đến nhà anh B để kiểm tra, do sợ phát hiện nên bị cáo M đã dùng tay trái lấy gói ma túy trong túi quần của bị cáo đang mặc bỏ vào chiếc cối gỗ dưới gầm bàn ngay bị cáo đang ngồi thì bị anh B phát hiện bắt quả tang bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, có khối lượng **1,9790 gam**, loại: **Methamphetamine**.

[3] Về tội danh: Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo M có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M có một tiền án về hành vi “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại

nghiện chất ma túy, nên không có điều kiện để thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu tiêu hủy một chiếc cối gỗ do không còn giá trị sử dụng;
- Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Vsmart đã bị hư hỏng của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội;
- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) của bị cáo M để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 60K3-8498, bị cáo M khai mua lại của người tên H (không rõ lai lịch) vào năm 2023. Kết quả xác minh, chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Thị H1, bà H1 đã bán chiếc xe trên cho anh Đoàn Minh H2 vào năm 2008. Đến năm 2010, anh H2 tiếp tục bán cho người tên N (không rõ lai lịch). Qua tra cứu tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (PC01), xe mô tô biển số 60K3-8498 không phải là vật chứng trong vụ án khác. Do chưa xác định chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[9] Đối với đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán ma túy cho bị cáo M, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[10] Đối với Nguyễn Văn B không biết bị cáo M tàng trữ trái phép chất ma túy nên không xử lý hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, trước đó vào ngày 25/3/2023, B có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 15/5/2023, B bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[11] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật hình sự;
- Căn cứ các Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phạm Quang M** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Phạm Quang M** 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt, tạm giữ 04/4/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu một chiếc cối gỗ do không còn giá trị sử dụng;
- Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Vsmart. Tình trạng: điện thoại cũ, đã qua sử dụng; điện thoại đã bị vỡ, hư hỏng, không kiểm tra được chi tiết máy bên trong của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) của bị cáo M để đảm bảo thi hành án (theo Giấy nộp tiền mặt tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ngày 24/10/2023 theo số tài khoản 67010000999777, người hưởng Kho bạc Nhà nước Đồng Nai).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Quang M phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp